

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/HS-ST  
Ngày 11 - 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Đình Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Thị Lan Anh;

Ông Lành Văn Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Lương Thị N; tên gọi khác: Không, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1996 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14/13, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 198, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; con ông Lương Văn K, sinh năm 1974 và bà Hứa Thị L, sinh năm 1978; chồng, con: Chưa; tiền án: 01 tiền án tại bản án số 193/2018/HS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt Lương Thị N 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị bắt để tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2020 đến nay, có mặt.

**- Bị hại:**

Anh Lương Văn T, sinh năm 1999; trú tại: Số 198, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh Lê Minh K, sinh năm 1996, trú tại: Số 140, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Chị Hứa Thị L, sinh năm 1978; trú tại: Số 198, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 28/7/2020, Lương Văn T đi tập dân quân về nhà và để xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 12P1-253.02 ở ngoài sân rồi vào nhà ăn cơm trưa cùng gia đình. Lúc đó, Lương Thị N (là chị gái của Lương Văn T) đang nằm trên phòng ngủ tầng 2, không xuống ăn cơm. Do muốn đi Hải Phòng chơi với bạn nhưng không có tiền nên Lương Thị N nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô của Lương Văn T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi mọi người ăn cơm xong và đi lên phòng ngủ, Lương Thị N đi xuống phòng khách lấy chìa khóa xe mô tô của Lương Văn T để ngăn kéo tủ kệ ti vi rồi điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi Lương Thị N có gọi điện cho Lê Minh K để hỏi vay tiền và được Lê Minh K đồng ý. Sau đó, Lương Thị N điều khiển xe mô tô đến gặp Lê Minh K tại quán nước vỉa hè trước cửa số nhà 181, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, Lê Minh K cho Lương Thị N vay 4.500.000 đồng và Lương Thị N để lại chiếc xe mô tô của Lương Văn T làm tin. Nhận tiền xong, Lương Thị N đi Hải Phòng chơi. Số tiền cầm xe mô tô có được Lương Thị N đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 03/8/2020, Lương Văn T đã lên Công an thành phố Lạng Sơn trình báo sự việc và yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Thị N.

Tại Biên bản định giá tài sản Tổ tụng hình sự số 89/ĐGTSTT ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố Lạng Sơn xác định chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 12P1-253.02 có giá trị 15.200.000 đồng.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng gia đình Lương Thị N đã hoàn trả cho Lê Minh K.

Về tang vật, đồ vật thu giữ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lương Văn T gồm: 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đỏ biển kiểm soát 12P1-253.02; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 12P1-253.02 và 01 giấy phép lái xe số 200202002547 mang tên Lương Văn T.

Trong quá trình điều tra, Lê Minh K và Lương Văn T không yêu cầu Lương Thị N phải có trách nhiệm bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại cáo trạng số 182/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với bị cáo Lương Thị N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì, nhất trí với bản cáo trạng.

Về phần dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội bị cáo Lương Thị N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thị N từ 10 đến 12 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có tài sản riêng. Về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xác nhận Cơ quan Điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã trả lại cho anh Lương Văn T gồm: 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đỏ biển kiểm soát 12P1-253.02; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 12P1-253.02 và 01 giấy phép lái xe số 200202002547 mang tên Lương Văn T. Về phần dân sự đề nghị không xem xét giải quyết do bị hại không yêu cầu và xác nhận gia đình bị cáo đã hoàn trả số tiền 4.500.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lê Minh K.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tổng đạt các văn bản quyết định tố tụng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều có giá trị pháp lý.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 12 giờ ngày 28/7/2020, tại số nhà 198, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn lợi dụng sơ hở trong việc quản lý của chủ sở hữu tài sản, Lương Thị N đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát 12P1-253.02 có giá trị 15.200.000 đồng của anh Lương Văn T. Với hành vi dùng thủ đoạn lén lút để chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 15.200.000 đồng, đối chiếu với

quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình và dư luận xấu trong xã hội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào. Do đó, đây cũng là tình tiết xem xét khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, qua xác minh bị cáo không có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Vật chứng gồm: Cơ quan Điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã trả lại cho anh Lương Văn T 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đỏ biển kiểm soát 12P1-253.02; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 12P1-253.02 và 01 giấy phép lái xe số 200202002547 mang tên Lương Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về phần dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với Lê Minh K là người cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đỏ biển kiểm soát 12P1-253.02 với Lương Thị N, không biết chiếc xe trên do Lương Thị N phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[11] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát luận tội bị cáo và đề nghị giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 61; Điều 62; Điều 65; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 61; Điều 62; Điều 65; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Thị N phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Thị N 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là từ ngày 24/8/2020.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lương Thị N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA Dân sự TP. Lạng Sơn (Khi án có hiệu lực pháp luật);

**nhận:**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ.

**Lương Đình Phương**